

Số: **46** /2019/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **04** tháng **12** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi
trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật thủy lợi năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đề điều;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 343/TTr-SNN ngày 18/11/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **15** tháng **12** năm 2019 và thay thế Quyết định số 1293/QĐ-UBND ngày 22/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị phê duyệt quy định về phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh do Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi Quảng Trị quản lý.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ NN và PTNT;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, NN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH


Nguyễn Đức Chính

QUY ĐỊNH

Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị
(Ban hành kèm theo Quyết định số **46** /2019/QĐ-UBND ngày **04** tháng **12** năm
2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị)

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về phạm vi bảo vệ đối với các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hệ thống công trình thủy lợi là hệ thống bao gồm các công trình thủy lợi có liên quan trực tiếp với nhau về mặt khai thác và bảo vệ trong một khu vực.

2. Hồ chứa nước là công trình được hình thành bởi đập dâng nước và các công trình có liên quan để tích trữ nước có nhiệm vụ điều tiết dòng chảy, cắt, giảm lũ, cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh, phát điện và cải thiện môi trường.

3. Đập là công trình được xây dựng để dâng nước hoặc cùng các công trình có liên quan tạo hồ chứa nước.

4. Bờ bao thủy lợi là công trình phân vùng, ngăn nước để bảo vệ cho một khu vực.

5. Trạm bơm là tổ hợp các công trình bao gồm bể hút, bể xả, nhà trạm, trạm biến áp, các trang thiết bị cơ điện ... nhằm đảm bảo lấy nước từ nguồn nước, vận chuyển và bơm nước đến nơi sử dụng hoặc cần tiêu nước thừa ra nơi khác.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi bao gồm công trình và vùng phụ cận.
2. Trong phạm vi bảo vệ công trình, các hoạt động phải bảo đảm không gây cản trở việc vận hành và an toàn công trình; phải có đường quản lý, mặt bằng để bảo trì và xử lý khi công trình xảy ra sự cố.
3. Vùng phụ cận của đập, hồ chứa, kênh và cống trên sông được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5, Điều 40 của Luật Thủy lợi năm 2017.
4. Vùng phụ cận của công trình thủy lợi khác được quy định như sau:
 - 4.1. Vùng phụ cận của trạm bơm bao gồm bể hút, bể xả, nhà trạm và trạm biến áp tối thiểu mỗi bên ra 20m.
 - 4.2. Vùng phụ cận của công trình trên kênh

Lưu lượng nhỏ hơn 02 m³/s, phạm vi vùng phụ cận là 01m tính từ mép ngoài của công trình.

Lưu lượng từ 02 m³/s đến 10 m³/s, phạm vi bảo vệ là 02m tính từ mép ngoài của công trình.

Lưu lượng lớn hơn 10 m³/s, phạm vi bảo vệ là 03m tính từ mép ngoài của công trình.
 - 4.3. Vùng phụ cận của cống tiêu, cống ngăn mặn, tràn xả lũ được tính từ phần xây đúc cuối cùng trở ra tối thiểu mỗi phía 50 m.
6. Công trình thủy lợi khi điều chỉnh quy mô, mục đích sử dụng, phải điều chỉnh vùng phụ cận phù hợp với quy định tại Điều này; cơ quan phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi có thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh phạm vi vùng phụ cận bảo vệ công trình.

Điều 5. Cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

1. Công tác lập, thẩm định và phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.
2. Đối với các công trình thủy lợi xây dựng mới: Chủ đầu tư xây dựng công trình phải thực hiện cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình (đã thực hiện công tác giải phóng mặt bằng) và bàn giao lại cho tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi khi bàn giao công trình hoàn thành đưa vào sử dụng và bàn giao mốc chỉ giới cho UBND xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là UBND cấp xã) nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ. Kinh phí cấm mốc được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng công trình thủy lợi.

3. Đối với các công trình đã đưa vào khai thác trước khi có Quy định này và chưa cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với UBND huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là UBND cấp huyện), UBND cấp xã nơi có công trình công bố công khai phương án cắm mốc chỉ giới, tổ chức cắm mốc chỉ giới trên thực địa và bàn giao mốc chỉ giới cho UBND cấp xã nơi có công trình để phối hợp quản lý, bảo vệ. Kinh phí cắm mốc được lấy từ nguồn tài chính trong quản lý, khai thác và các nguồn hợp pháp khác.

Điều 6. Các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi phải có giấy phép

1. Theo quy định tại Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi. Trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, các hoạt động sau phải có giấy phép của cơ quan có thẩm quyền:

- a) Xây dựng công trình mới;
- b) Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện;
- c) Khoan, đào khảo sát địa chất; thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất;
- d) Xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ;
- e) Trồng cây lâu năm;
- f) Hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ;
- g) Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ;
- h) Nuôi trồng thủy sản;
- i) Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác;
- k) Xây dựng công trình ngầm.

2. Cấp phép hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Chương IV Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thủy lợi và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Đôn đốc, thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý, khai thác công trình thủy lợi thực hiện cấm mốc chỉ giới bảo vệ công trình; lập phương án bảo vệ công trình; việc cấp và thực hiện giấy phép đối với các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

Thẩm định, trình phê duyệt và theo dõi việc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

b) Theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện Quyết định này.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp huyện và các tổ chức, cá nhân trực tiếp khai thác công trình thủy lợi rà soát hiện trạng sử dụng đất trong hành lang bảo vệ công trình;

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý và sử dụng đất theo quy định.

3. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phục vụ công tác cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, công tác hỗ trợ, bồi thường khi nhà nước thu hồi đất theo quy định hiện hành.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân thực hiện tốt các quy định, chủ trương của Đảng, chính sách của nhà nước trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

2. Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp với các cơ quan hữu quan trong việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

3. Giải quyết theo thẩm quyền các khiếu nại, tố cáo về hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương theo quy định của pháp luật.

4. Căn cứ vào Quy định này và các quy định pháp luật có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và tổ chức thực hiện theo thẩm quyền việc xử lý đối với các công trình xây dựng không phép, trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc địa bàn quản lý.

5. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về tình hình vi phạm và công tác xử lý vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Tham gia và chịu trách nhiệm trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện công tác bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân địa phương thực hiện các quy định của pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi.

3. Ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi tại địa phương, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải báo cáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý; thực hiện các biện pháp phối hợp quản lý, bảo vệ chặt chẽ các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, không để xảy ra tái vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn.

4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi

1. Có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ công trình thủy lợi; thường xuyên kiểm tra, phát hiện kịp thời và có biện pháp ngăn chặn các hành vi vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị quản lý; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã nơi xảy ra vi phạm trong việc xử lý và áp dụng các biện pháp cần thiết khôi phục hiện trạng ban đầu, bảo đảm an toàn cho công trình thủy lợi theo thiết kế.

2. Lập, trình thẩm định phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do đơn vị được giao quản lý theo quy định tại Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/5/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi và các văn bản pháp luật hiện hành khác có liên quan.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình vi phạm phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để xem xét, giải quyết.

Điều 11. Xử phạt vi phạm hành chính trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi

Các vi phạm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phòng chống thiên tai; khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; đê điều; Nghị định số 65/2019/NĐ-CP ngày 18/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 104/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 12. Xử lý chuyển tiếp

1. Đối với công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi không ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi trước ngày Quy định này có hiệu lực thì được tiếp tục sử dụng nhưng không được mở rộng quy mô hoặc thay đổi kết cấu. Nếu công trình hiện có trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi ảnh hưởng đến an toàn, năng lực phục vụ của công trình thủy lợi phải thực hiện các giải pháp khắc phục; trường hợp không thể khắc phục phải dỡ bỏ hoặc di dời.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi xây dựng kế hoạch và thực hiện dỡ bỏ hoặc di dời công trình theo quy định tại Điều 48 Luật thủy lợi.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành

1. Các Sở, ban, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chủ động phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân quản lý khai thác công trình thủy lợi thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh, các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định. *SK*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH *TC*



Nguyễn Đức Chính